

## LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

### QUYỂN 52

#### Chương 3: **KIỆN-ĐỘ TRÍ**

##### Phẩm 2: **THA TÂM TRÍ**, Phần 4

Sanh tử của ta đã hết, là tận đời quá khứ, tận đời vị lai, hay tận đời hiện tại mà nói sanh tử của ta đã hết? Nếu tận đời quá khứ thì đời quá khứ đã diệt. Nếu tận đời vị lai, thì đời vị lai chưa đến. Nếu tận đời hiện tại, thì đời hiện tại không dừng?

Đáp: Nên nói rằng: cùng tận sự sanh tử của ba đời. Vì sao? Vì sự sanh tử nói ở đây chính là bốn ấm của Phi tướng Phi phi tướng xứ. Hành giả trong ba đời, đều thấy rõ, nên có thể lìa dục của Phi tướng Phi phi tướng xứ.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Kinh Phật nói: Mâu-ni nhận thấy sự sanh tử tử đã hết.

Cũng nêu lên câu hỏi này: Vì thấy sự sanh tử tử ở quá khứ, sự sanh tử tử ở vị lai, sự sanh tử tử ở hiện tại đều đã hết, nên nói là sự sanh tử tử hết.

Đáp: Nên nói rằng: Nhận thấy sinh tử vị lai đã hết. Vì sao? Vì người tu hành, tu tất cả hạnh khổ Phạm hạnh, đều là ngăn dứt sự sanh tử tử trong vị lai.

Như người có ba ách nạn:

1. Đã thọ.
2. Đang thọ.
3. Sẽ nhận lấy.

- Đã thọ: Là thọ rồi. Nay thọ: Là đã nhận thọ. Sẽ thọ: Nếu dùng của cải, hoặc nhân nơi sức của dòng họ thân thích tạo ra các phương tiện, nhằm dứt sự sanh tử ở đương lai. Hành giả cũng thế, quá khứ không dụng công, đã diệt, sự sanh tử hiện tại sẽ nhận chịu rồi, sự sanh tử ở vị lai, dùng chánh phương tiện để diệt, khiến cho không bao giờ

sinh nữa.

Sự sinh có nhiều thứ: Hoặc nói: Lúc vào thai mẹ gọi là sinh, hoặc nói: Khi ra khỏi thai mẹ gọi là sinh. Hoặc nói: Thời gian năm ấm gọi là sinh, hoặc nói: Phần ít của hành ấm bất tương ứng gọi là sinh. Hoặc nói: Bốn ấm của Phi tướng Phi phi tướng xứ gọi là sinh.

Chỗ nào nói lúc vào thai mẹ gọi là sinh? Như kinh nói: Sự sinh xuất hiện ở mọi nhà, mọi nơi.

Khi ra khỏi thai mẹ gọi là sinh: như nói: Bồ-tát sinh rồi liền đi bảy bước.

Nói thời gian đủ năm ấm gọi là sinh: Như nói: Có duyên sinh.

Nói hành ấm bất tương ứng gọi là sinh: Như nói: Khoảng một sát-na, cái gì khởi? Đó là sinh.

Nói bốn ấm của Phi tướng Phi phi tướng xứ gọi là sinh: Như trong đây đã nói: Sự sinh của ta đã hết, phạm hạnh đã lập.

Vì lập đạo Hữu học, gọi là phạm hạnh đã lập, hay vì lập đạo Vô học, gọi là phạm hạnh đã lập?

Đáp: Đã lập đạo Hữu học, gọi là phạm hạnh. Đã lập đạo Vô học, gọi là nay lập.

Việc phải làm đã làm xong, nghĩa là: Đã dứt trừ tất cả phiền não gọi là việc phải làm đã làm xong.

Lại nữa, rốt ráo dứt hết tất cả cõi, rốt ráo dứt sạch tất cả sự sanh tử, rốt ráo dứt hết tất cả pháp sinh tử tăng trưởng, gọi là việc phải làm đã làm xong.

Không thọ hậu hữu: Là nói về trí Vô sinh.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Nếu không dứt trừ phiền não, thì không gọi là sinh tử đã hết. Nếu đã dứt trừ phiền não thì gọi là sinh tử đã hết. Nếu không dứt trừ phiền não, thì sẽ không gọi là phạm hạnh đã lập. Nếu đã dứt trừ phiền não thì gọi là phạm hạnh đã lập. Nếu không dứt trừ phiền não, thì không gọi là việc phải làm đã làm xong. Nếu đã dứt trừ phiền não thì gọi là việc phải làm đã làm xong. Nếu không dứt trừ phiền não thì gọi là thọ hậu hữu. Nếu đã dứt trừ phiền não thì gọi là không thọ hậu hữu.

Hỏi: Tất cả A-la-hán không phải đều được trí vô sinh. Vì trong Nhất thiết Kinh đều nói là không thọ hậu hữu?

Đáp: Phật nói là người căn cơ nhạy bén tương ứng với kinh. Nhưng người biên tập kinh pháp thì cho rằng trong Nhất thiết kinh đều nói.

Lại có người nói: Các Tôn giả biên tập pháp đều có trí nguyện, trí vô ngại để quán sát chúng sinh. Nếu người căn cơ nhạy bén tương ứng

với kinh thì nói. Về sau có người trì tụng kinh không khéo, cho là trong Nhất thiết Kinh đều nói như vậy.

**Lời bình:** Nên nói rằng: Tất cả A-la-hán đều không thọ hậu hữu.

Hỏi: Các vị A-la-hán nào tu hai thứ tuệ? Các A-la-hán nào tu ba thứ tuệ?

Đáp: Hoặc có A-la-hán tâm giải thoát, tuệ khéo giải thoát. Hoặc có A-la-hán tâm khéo giải thoát, tuệ không khéo giải thoát.

Nếu tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát thì sẽ tu ba thứ tuệ. Nếu tâm khéo giải thoát, tuệ không khéo giải thoát, thì sẽ tu hai thứ tuệ.

Lại nữa, hoặc có A-la-hán dùng khổ trí, tập trí, để dứt hết kiết của ba cõi. Hoặc có A-la-hán dùng diệt trí, đạo trí để dứt trừ hết kiết của ba cõi.

Nếu A-la-hán nào dùng khổ trí, tập trí để dứt hết kiết ba cõi thì sẽ tu ba thứ tuệ. Nếu dùng diệt trí, đạo trí, để dứt hết kiết ba cõi thì sẽ tu hai thứ tuệ.

Lại nữa, hoặc có A-la-hán dùng Không, Khổ, tập, tam-muội Vô nguyện dứt hết kiết ba cõi. Hoặc có người dùng đạo vô tướng, tam-muội Vô nguyện để dứt hết kiết ba cõi. Nếu dùng Không, Khổ, tập, tam-muội Vô nguyện để diệt trừ kiết ba cõi thì sẽ tu ba thứ tuệ. Nếu dùng đạo vô tướng, tam-muội Vô nguyện để diệt hết kiết ba cõi thì sẽ tu hai thứ tuệ.

Lại nữa, hoặc có A-la-hán vì định nhập Thánh đạo. Hoặc có A-la-hán vì tuệ nhập vào Thánh đạo. Nếu người vì định nhập Thánh đạo thì sẽ tu ba thứ tuệ. Như đạo định, đạo tuệ, đạo định nhiều đạo tuệ nhiều, đạo muốn có thể định, đạo muốn có thể tuệ, căn tánh chậm lụt, căn cơ nhạy bén, sức của duyên, sức của nhân, cũng nói giống như thế.

Lại nữa, hoặc có A-la-hán dùng định để tu tâm, dùng tuệ để được giải thoát thì sẽ tu hai thứ tuệ. Hoặc có A-la-hán dùng tuệ để tu tâm, dùng định để được giải thoát thì sẽ tu ba thứ tuệ.

Lại nữa, nếu được trạng thái vắng lặng của nội tâm, không được pháp quán tuệ. Hoặc có người được sự vắng lặng nội tâm, cũng được pháp quán tuệ. Người trước: Tu hai thứ tuệ, người sau tu ba thứ tuệ.

Lại nữa, nếu người đã thành tựu bốn pháp thì rất ít có. Bốn pháp đó là:

1. Gắn gũi thiện trí thức.
2. Nghe pháp với thiện trí thức.
3. Bên trong chánh tư duy.

#### 4. Tu hành đúng pháp.

Nếu người thành tựu hai thứ pháp đầu thì sẽ tu hai thứ tuệ, nếu người đã thành tựu hai thứ pháp sau thì sẽ tu ba thứ tuệ.

Lại nữa, hoặc có người nghe pháp nhiều từ người khác, hoặc có người bên trong chánh tư duy nhiều. Nếu theo người khác nghe pháp nhiều thì sẽ tu hai thứ tuệ. Nếu bên trong chánh tư duy nhiều, thì sẽ tu ba thứ tuệ.

Hoặc có người căn thiện vô tham nhiều, hoặc có người căn thiện vô si nhiều. Nếu căn thiện vô tham nhiều, thì sẽ tu hai thứ tuệ, nếu người căn thiện vô si nhiều, thì sẽ tu ba thứ tuệ.

Sự sinh tử của ta đã hết, là nói tận trí. Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ hậu hữu, là nói Trí vô sinh.

Lại có người nói: Sự sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, là nói tận trí. Việc phải làm đã làm xong không thọ hậu hữu là nói trí vô sinh.

Lại nữa, sự sanh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong là nói tận trí. Không thọ hậu hữu là nói trí vô sinh.

Hỏi: Không có hai tận trí của A-la-hán sau sát-na khởi Trí vô sinh, huống chi là nhiều! Vì sao nói như thế: Nói sự sanh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, là tận trí?

Đáp: Tuy là một sát-na, nhưng vì có ba thứ nghĩa nên nói như thế.

Tôn giả Ba-xa nói: Nói như thế là không nói về tận trí, không nói về Trí vô sinh, không nói chánh kiến Vô học. Đây là lời khen ngợi A-la-hán, vì sinh tử của A-la-hán đã hết, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ hậu hữu.

Lại nữa, nói sanh tử của ta đã hết là nói tận trí. Phạm hạnh đã lập là nói đạo trí. Việc phải làm đã làm xong, là nói diệt trí. Không thọ hậu hữu là nói trí vô sinh.

Lại nữa, nói sự sanh tử của ta đã hết là nói biết Tập. Phạm hạnh đã lập là nói biết đạo. Việc phải làm đã làm xong là nói biết diệt. Không thọ hậu hữu là nói biết khổ. Nói đều tác chứng cũng giống như thế.

Lại nữa, nói sự sanh tử của ta đã hết là nói dứt Tập. Phạm hạnh đã lập là nói tu đạo. Việc phải làm đã làm xong là nói chứng diệt, không thọ hậu hữu là nói biết Khổ.

Lại nữa, nói sự sanh tử của ta đã hết là nói dứt nhân. Phạm hạnh đã lập là nói Tu đạo, việc phải làm đã làm xong là nói được quả. Không thọ hậu hữu là nói biết Thế.

Lại nữa, nói sanh tử của ta đã hết là nói tập trí. Phạm hạnh đã lập là nói đạo trí. Việc phải làm đã làm xong là nói diệt trí. Không thọ hậu hữu là nói khổ trí.

Lại nữa, nói sự sanh tử của ta đã hết là nói Tập vô nguyên. Phạm hạnh đã lập là nói Đạo vô nguyên. việc phải làm đã làm xong là nói vô tướng. Không thọ hậu hữu là nói Không và Khổ vô nguyên.

Hỏi: Vì sao nói tận trí? Vì duyên hết nên gọi là tận trí, hay vì phiền não đều sinh trong thân nên gọi là tận trí? Nếu do duyên hết gọi là tận trí thì diệt trí lẽ ra là tận trí? Còn nếu vì phiền não đều sinh trong thân gọi là tận trí thì trí vô sinh, chánh kiến Vô học lẽ ra cũng là tận trí?

Đáp: Nên nói rằng: Vì phiền não đều sinh trong thân nên gọi là tận trí.

Hỏi: Nếu vậy thì trí vô sinh, chánh kiến Vô học, lẽ ra là tận trí?

Đáp: Nếu trí ở lúc đầu, tất cả đều có thì gọi là tận trí. Chánh kiến Vô học, dù tất cả đều có nhưng lại không ở lúc đầu. Trí vô sinh không ở lúc đầu, cũng chẳng phải tất cả đều có. Còn tận trí ở lúc đầu và tất cả đều có.

Hỏi: Ngoài mười sáu hạnh Thánh lại có tuệ vô lậu, sao ở đây không hỏi?

Đáp: Đã nói rộng như trong Kiên-độ Tạng.

Thế nào là minh học? Thế nào là trí học? Thế nào là minh Vô học? Thế nào là trí Vô học?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Thế gian đã dùng các thứ luận thế tục, cho đó là minh mà không biết minh chân thật.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng nói về nghĩa minh chân thật nên soạn luận này.

Lại có người nói: Sở dĩ soạn luận này, vì đây là kinh Phật. Kinh Phật nói: Phật bảo Cư sĩ! Như ông đã dùng trí học, kiến học, minh học, thấy bốn Thánh Đế. Nay, đồng tử Da-xa này, cũng dùng trí Vô học, kiến Vô học, minh Vô học để thấy bốn Thánh Đế, sẽ không còn ở nhà Cư sĩ để thọ vui năm dục nữa!

Kinh Phật dù nói như vậy nhưng không phân biệt rộng. Kinh Phật là căn bản để soạn luận này. Nay vì muốn phân biệt rộng, nên soạn luận này.

Thế nào là minh học?

Đáp: Là tuệ học.

Thế nào là trí học?

Đáp: Là tám trí học.

Thế nào là minh Vô học?

Đáp: Là tuệ Vô học.

Thế nào là trí Vô học?

Đáp: Là tám trí Vô học, gồm bốn pháp trí và bốn tử trí.

Đây là thể tánh của minh cho đến nói rộng.

Về lý do nay sẽ nói: Vì sao gọi là minh? Minh có nghĩa gì?

Đáp: Nhận thức rõ về nghĩa là nghĩa minh.

Hỏi: Nếu nhận thức rõ về nghĩa là nghĩa minh thì tuệ hữu lậu thiện cũng nhận thức rõ về nghĩa, vậy cũng là nghĩa minh sao?

Đáp: Nếu đối với bốn chân đế, nhận thức rõ, rớt ráo rõ, không sinh điên đảo. Nói rộng như trong Kiên-độ Tạp.

Hỏi: Nếu tuệ hữu lậu thiện không gọi là minh thì làm sao hiểu được kinh Phật? Như nói: Vô học có ba thứ minh:

1. Minh chứng thể trí nhớ lại đời trước của bậc Vô học.

2. Minh chứng trí sinh tử của bậc Vô học.

3. Minh chứng trí lậu tận của bậc Vô học.

Đáp: Vì có phần ít thể dụng của minh, nên gọi là minh. thế nào là phần ít minh? Trái với phiền não, cũng không có phiền não xen lẫn, gọi là phần ít minh.

Lại nữa, hai minh này có thể sinh, có thể thuận theo nơi thật nghĩa minh vô lậu nên gọi là Minh.

Cho nên, Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Minh vô lậu của nghĩa thật thứ nhất, là lậu tận minh. Hai minh còn lại vì có thể sinh minh này nên gọi là minh.

Lại nữa, minh chứng trí nhớ lại đời trước, biết được pháp tăng trưởng của bờ mé trước. Minh chứng của trí sinh tử, biết được pháp tăng trưởng của bờ mé sau. Minh chứng của trí lậu tận biết được pháp vắng lặng của Niết-bàn.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà cũng nói rằng: Minh chứng trí nhớ lại đời trước biết chúng sinh này mất ở chỗ kia, đến sinh ở đây, theo pháp nối tiếp nhau của nhân quả đời quá khứ. Minh chứng trí sinh tử biết được chúng sinh này, đã gây ra nghiệp như thế sẽ sinh vào xứ kia, theo pháp nối tiếp nhau của nhân quả vị lai. Minh chứng trí lậu tận biết được chúng sinh này nhờ đạo như thế, có thể là pháp rớt ráo của nhân quả lậu tận. Đó gọi là minh của nghĩa thật đệ nhất.

Lại nữa, minh chứng trí nhớ lại đời trước, giác biết rất rõ về việc của đời quá khứ.

Minh chứng trí sinh tử, giác biết rất rõ về việc của đời vị lai.

Minh chứng trí lậu tận, giác biết rất rõ về Niết-bàn vô vi.

Lại nữa, minh chứng trí nhớ lại đời trước sẽ dứt trừ những vô tri đen tối của quá khứ.

Minh chứng trí sinh tử sẽ dứt bỏ những vô tri đen tối ở vị lai.

Minh chứng lậu tận sẽ dứt bỏ những vô tri đen tối của Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao trong sáu thông, ba lập minh, ba không lập minh?

Đáp: Thân thông là pháp công xảo. Thiên nhĩ thông chỉ nghe âm thanh mà thôi. Tha tâm trí thông duyên với pháp của tướng khác nhau. Ba minh này có thể thuận theo pháp chán lìa, có thể dứt bỏ sinh tử, thuận theo pháp thiện, có thể đạt đến Niết-bàn.

Hỏi: Ba minh này làm sao có thể thuận theo pháp chán lìa, có thể lìa bỏ sinh tử, thuận theo pháp thiện, có khả năng đến Niết-bàn?

Đáp: Minh chứng trí nhớ lại đời trước thấy được việc của đời quá khứ, rất sinh chán lìa. Minh chứng trí sinh tử thấy được việc ở đời vị lai, rất sinh chán lìa. Vì chán lìa, nên minh chứng trí lậu tận có thể thực hành chánh quán, dứt trừ phiền não.

Lại nữa, minh chứng trí nhớ lại đời trước biết được vô số các thứ nhân nối tiếp nhau trong quá khứ. Minh chứng trí sinh tử thấy ấm vị lai của các chúng sinh, như vi trần phân tán, rất sinh chán lìa. Minh chứng trí lậu tận có thể thực hành chánh quán, dứt trừ phiền não.

Lại nữa, minh chứng trí nhớ lại đời trước biết được trong quá khứ có những việc suy não của tự thân, rất sinh chán lìa. Minh chứng trí sinh tử thấy được ở vị lai những việc suy não của tha thân, rất sinh chán lìa. Do chán lìa nên minh chứng trí lậu tận có khả năng thực hành chánh quán, dứt dứt mọi phiền não.

Lại nữa, minh chứng trí nhớ lại đời trước trừ ngu ở hữu. Minh chứng trí sinh tử trừ ngu của chúng sinh. Minh chứng trí lậu tận trừ ngu của pháp.

Lại nữa, minh chứng trí nhớ lại đời trước đối trị với thường kiến. Minh chứng trí sinh tử đối trị đoạn kiến. Minh chứng trí lậu tận đối trị hai bên, trụ trong trung đạo.

Lại nữa, minh chứng trí nhớ lại đời trước có thể sinh không. Minh chứng trí sinh tử có thể sinh vô nguyện. Minh chứng trí lậu tận có thể sinh vô tướng.

Do những nghĩa như cho nên ba minh này, thuận theo pháp chán lìa, có thể bỏ sinh tử, thuận theo pháp thiện, hướng về Niết-bàn.

Kinh Tập Pháp nói: Có ba thứ minh Vô học, đó là minh chứng trí

nhớ lại đời trước, minh chứng trí sinh tử, minh chứng trí lậu tận.

Hỏi: Thế nào là minh chứng trí nhớ lại đời trước của bậc Vô học?

Đáp: Là trí Vô học nhận biết sinh tử của chúng sinh là pháp nối tiếp nhau.

Hỏi: Thế nào là minh chứng trí sinh tử của bậc Vô học?

Đáp: Trí Vô học biết rõ nghiệp là do các chúng sinh đã tự gây ra.

Hỏi: Thế nào là minh chứng trí lậu tận của bậc Vô học?

Đáp: Là trí Vô học đã dứt hết lậu.

Hỏi: Minh chứng trí lậu tận nói Vô học, này có thể như thế. Hai minh còn lại là Phi học Phi Vô học, vì sao lại nói là minh Vô học?

Đáp: Kinh Tập Pháp nên nói rằng: Người Vô học có ba minh nhưng không nói là có ý gì? Đáp: Hai minh dù là Phi học Phi Vô học, nhưng do trong thân người Vô học này có thể chứng đắc, nên cũng gọi là Vô học. Như Luận Thi Thiết nói: tam-muội có hai thứ:

1. Là Thánh.

2. Chẳng phải Thánh.

Tam-muội của Thánh có ba thứ:

1. Hữu lậu thiện.

2. Vô lậu.

3. Vô ký không ẩn một.

Tam-muội hữu lậu thiện, vì thiện nên gọi là Thánh, không do vô lậu.

Tam-muội vô lậu vì thiện, vì vô lậu nên gọi là Thánh. Tam-muội vô ký không ẩn một cũng chẳng phải thiện, cũng chẳng phải vô lậu, mà gọi là Thánh, là vì trong thân của bậc Thánh này có thể chứng đắc nên gọi là Thánh. Hai minh kia cũng thế.

Hỏi: Vì sao trong thân người Vô học được lập minh, còn trong thân người Hữu học không lập minh?

Đáp: Do nghĩa của minh vượt hơn. Nếu dùng pháp mà nói thì pháp Vô học cao hơn pháp Hữu học. Nếu nói theo người thì người Vô học cao hơn người Hữu học.

Lại nữa, vì không xen lẫn vô minh nên gọi là Minh. Tuệ trong thân người Hữu học vì còn xen lẫn vô minh, nên không gọi là Minh.

Trí lậu tận hiện có trong thân Như lai có bốn việc:

1. Gọi là thông.

2. Gọi là minh.

3. Gọi là lực.

4. Gọi là thị hiện.



Thông là lậu tận thông. Minh là lậu tận minh. Lực là lậu tận lực. thị hiện là hiện ra để nói pháp.

Trí lậu tận của Bích-chi Phật, Thanh văn Vô học gồm ba việc:

1. Là lậu tận thông.
2. Là lậu tận minh.
3. Là thị hiện chẳng phải lực.

Tất cả trí nhớ lại đời trước và trí sinh tử trong thân Như lai gồm ba việc:

1. Là Thông.
2. Là Minh.
3. Là Lực. Chẳng phải thị hiện.

Bích-chi Phật, Thanh văn Vô học về trí nhớ lại đời trước và trí sinh tử hiện có gồm hai việc: Là Thông và Minh. Chẳng phải lực, chẳng phải thị hiện.

Trí sinh tử, trí nhớ lại đời trước hiện có trong thân người Hữu học, có một việc, đó là thông, chẳng phải minh, chẳng phải lực, chẳng phải thị hiện.

Hỏi: Trí hiện có trong thân Như lai được lập là lực, chẳng phải trí trong thân Bích-chi Phật và Thanh văn hay sao?

Đáp: Nghĩa không có chướng ngại là nghĩa lực. Trí của Bích-chi Phật và Thanh văn vì còn bị chướng ngại do vô trí, nên chẳng phải Lực.

Nghe nói: Phật, Thế tôn và Tôn giả Xá-lợi-phất cùng kinh hành ở một chỗ. Có một chúng sinh đến nơi đó. Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Ngài hãy quán chúng sinh này từ nơi nào ở đời quá khứ cùng đến ở chung nơi đây?

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền dùng trí nhớ lại đời trước của Sơ thiên để quán sát nhưng không biết cho đến dùng trí nhớ lại đời trước của đệ Tứ thiên để quán, cũng không biết. Tôn giả liền xuất định, bạch Phật: Con đã quán chúng sinh này, nhưng đều không thể thấy biết là từ nơi nào đến!?

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Tất cả Trí kiến của Bích-chi Phật vượt hơn các thầy, lại vượt hơn tất cả trí kiến của Bích-chi Phật, tất cả trí kiến của Phật nhận biết chúng sinh đó đã từ thế giới ấy sinh đến cõi này!

Sau đó, Đức Thế tôn với Tôn giả Xá-lợi-phất lại cùng kinh hành ở một nơi. Lúc ấy, có một người qua đời, Đức Thế tôn thấy vậy bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Ông có thể quán người này xem ông ta sinh đến

---

xứ nào? Tôn giả Xá-lợi-phất liền dùng thiên nhãn của Sơ thiên để quán sát người đó, nhưng không thể thấy, cho đến khởi thiên nhãn của đệ Tứ thiên để quán sát cũng vẫn không thấy. Tôn giả xuất định bạch Phật: Con đã dùng thiên nhãn để quán sát người này, nhưng vẫn không biết ông ta sinh về xứ nào?

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Vượt quá cảnh giới được nhận biết của Bích-chi Phật, cõi nước độ ấy, người này sẽ sinh về cõi nước đó.

Hỏi: Đức Như lai tất cả trí nhớ lại đời trước và trí sinh tử tốt đẹp hơn hết, có thể như thế. Còn như trí lậu tận của Phật thì Thanh văn, Bích-chi Phật cũng vậy. Vì sao trí lậu tận của Phật lập lực, chẳng phải Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Trí lậu tận của Phật cũng vi diệu, thù thắng. Tất cả trí lậu tận trong thân Như lai, tánh của chúng nhạy bén, mạnh mẽ, nếu duyên với phiền não thì phiền não liền dứt. Còn trí lậu tận của Bích-chi Phật, Thanh văn thì không nhạy bén, mạnh mẽ, thường duyên với phiền não thì phiền não mới dứt. Ví như hai người chặt cây: Một người khỏe mạnh lại dùng búa bén. Còn người nọ thì tánh yếu ớt, lại dùng búa lụt. Mặc dù cả hai đều chặt cây, nhưng người khỏe mạnh lại dùng búa bén, đương nhiên sẽ chặt nhanh hơn người tánh yếu ớt lại dùng búa lụt. Trí lậu tận của Phật cũng giống như thế.

Chẳng phải trí lậu tận do thân mình hiện có gọi là lực, mà là làm thế nào khiến cho các chúng sinh kia các lậu đều được dứt hết mới gọi là Lực. Chỉ Đức Thế tôn mới biết chúng sinh này do Thông khổ chậm mới có thể dứt hết lậu, chúng sinh kia do thông vui nhanh, mới có thể dứt hết lậu. Đó gọi là Lực.

